CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2400345718, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL, S=Bắc Giang, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-02-01 09:23:24
Foxit Reader Version: 10.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐẦU TƯ TDG GLOBAL	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----*-----	-----*-----
Số: 3101/2023/CBTT-TDG	*Bắc Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
2. Mã chứng khoán: TDG
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô D1, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
4. Điện thoại: 0204.2244.903
5. Fax: 0204.3661.311
6. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Minh Hiếu - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
7. Loại thông tin công bố: ☑định kỳ ☐bất thường ☐24h ☐theo yêu cầu
8. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên 2022
9. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố: www.thaiduongpetrol.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:
- *Báo cáo thường niên năm 2022.*

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

M.S.D.N: 2400345718 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL - H. VIỆT YÊN - T. BẮC GIANG

LÊ MINH HIẾU

Được quét bằng CamSc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TDG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Năm 2022

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG 1
1. Thông tin khái quát 1
2. Quá trình hình thành và phát triển 1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 5
5. Định hướng phát triển 7
6. Báo cáo quản trị rủi ro 9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022 12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 12
2. Tổ chức và nhân sự 12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 18
4. Tình hình tài chính 18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 20
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 22
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC 23
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 23
2. Tình hình tài chính 24
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý 26
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 28
1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 28
2. Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty. 28
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 29
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 30
1. Hội đồng quản trị 30
2. Ban kiểm soát 31
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 32
VI. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 33
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm) 34

Được quét bằng CamScanner

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 12
Bảng 2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 so với kế hoạch 12
Bảng 3. Cơ cấu lao động năm 2022 (tính đến ngày 31/12/2022) 16
Bảng 4. Tình hình cơ cấu doanh thu năm 2021 và năm 2022 18
Bảng 5. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản 19
Bảng 6. Cơ cấu cổ đông CTCP Đầu tư TDG Global (*) 20
Bảng 7. Quá trình tăng vốn điều lệ 21
Bảng 8. Tình hình hoạt động của CTCP Đầu tư TDG Global trong năm 2022 so với năm 2021 và kế hoạch năm 2022 23
Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2022 24
Bảng 10. Tình hình tài sản của Công ty cuối kỳ năm 2021 và 2022 25
Bảng 11. Tình hình nguồn vốn của Công ty cuối kỳ năm 2021 và 2022 25
Bảng 12. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị 30

Được quét bằng CamScanner

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
- Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13/07/2005 và Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 06/08/2021.
- Vốn điều lệ: 167.700.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 167.700.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng*)
- Địa chỉ: Lô D1 - KCN Đình Trám – Thị Trấn Nếnh - Huyện Việt Yên - Tỉnh Bắc Giang.
- Số điện thoại: (84-240) 2244.903
- Số fax: (84-240) 3661.311
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global tại: số 29 phố Giang Văn Minh, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Website: http://thaiduongpetrol.vn/
- Mã cổ phiếu: TDG

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 2003000152 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2005 với số vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, chiết nạp đóng bình gas; mua bán khí đốt hóa lỏng; dịch vụ sang nạp bình gas; sản xuất nước uống tinh khiết; mua bán vỏ bình, bồn chứa gas; và một số sản phẩm phụ khác; kinh doanh vật liệu xây dựng (thép). Quá trình hình thành và phát triển công ty được chia làm 4 giai đoạn chính, cụ thể như sau:

❖ *Giai đoạn từ 2005 đến tháng 07/2007*

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global chính thức đi vào hoạt động vào ngày 13 tháng 07 năm 2005, với số vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng.

Trong giai đoạn khởi đầu này, tuy còn gặp nhiều khó khăn do mới gia nhập thị trường khí hóa lỏng (LPG) cùng với những biến động của giá xăng dầu thế giới và trong nước nhưng Công ty đã nỗ lực sản xuất, hoạt động và đạt được một số thành tựu đáng kể. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trung bình đạt 30 tỷ đồng/năm, mặt hàng kinh doanh chính là Khí hóa lỏng (LPG) (tỷ trọng trên doanh thu khoảng 99%). Mới bước đầu đi vào hoạt động, tuy nhiên,

Được quét bằng CamScanner

Công ty đã có 160 tổng đại lý phân phối Gas Thái Dương trên hai địa bàn chính là tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh.

❖ *Giai đoạn từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2011*

Với bước đệm vững chắc từ những năm đầu tiên xây dựng, Công ty tiến hành mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường, để đáp ứng được những điều này, trong giai đoạn này, số vốn của công ty được tăng từ 2.000.000.000 đồng đến 22.000.000.000 đồng.

Một số thành tích đạt được trong giai đoạn này phải kể tới: doanh thu trung bình năm của công ty đã tăng từ 30 tỷ đồng/năm lên đến 73 tỷ đồng/năm và mặt hàng kinh doanh chính vẫn là Gas Thái Dương, sản lượng tiêu thụ Gas trung bình năm đạt 3.000 tấn/năm. Tiếp tục phát huy những thế mạnh trong giai đoạn trước, số lượng tổng đại lý của công ty cũng tăng từ 160 tổng đại lý lên 200 tổng đại lý. Thị trường kinh doanh đã được mở rộng sang một số tỉnh lân cận khác như Thái Nguyên.

❖ *Giai đoạn từ tháng 03 năm 2011 đến 2016*

Kể từ năm 2011 đến nay hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi sự tăng giảm bất thường của giá dầu khí thế giới dẫn tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động không ngừng, nhưng do những kinh nghiệm tích lũy được sau hơn 5 năm tham gia thị trường khí đốt, Công ty vẫn giữ được vị thế, không những vậy, Công ty tiếp tục tiến hành mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong năm 2015, số vốn điều lệ của công ty được tăng từ 22 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, sản lượng tiêu thụ năm tăng khoảng 96,7% so với giai đoạn trước (tăng từ 3.000 tấn/năm đến 5.900 tấn/năm) do đó, doanh thu trung bình năm cũng tăng lên 109 tỷ đồng. Thị trường hoạt động được mở rộng ra thêm một số thị trường khó tính hơn như Hà Nội.

Tính đến thời điểm 10/10/2016, vốn điều lệ của Thái Dương Gas cũng đã được tăng lên 129 tỷ đồng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi Đăng kí kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 10/10/2016. Ngày 14/12/2016, Công ty đã chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 8291/UBCK-GSĐC được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 14/12/2016 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

❖ *Giai đoạn từ 2016 đến 2021*

Ngày 15/06/2017, Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch TP. Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu TDG và vốn điều lệ là 129 tỷ đồng. Tháng 10/2018 Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ

Được quét bằng CamScanner

tức theo phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 2304/2018/NQDHDCD – TDG ngày 23/04/2018, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1805/2018/NQ – HĐQT – TDG ngày 18/05/2018 của Công ty làm tăng vốn thêm 38.700.000.000 đồng. Hiện tại, vốn điều lệ của công ty là 167.700.000.000 đồng

Tháng 7 năm 2021, Công ty quyết định bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh về: Sản xuất kinh doanh Năng lượng Điện Tái tạo; Chăn nuôi; Chăn nuôi hỗn hợp; Trồng cây hàng năm; Trồng cây lâu năm; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ; Khai thác thuỷ sản và đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global.

Năm 2022, Công ty phát hành thành công 40.000.000.000 đồng trái phiếu chuyển đổi.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ ***Ngành nghề kinh doanh:***

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) ; sản phẩm chính công ty cung cấp ra thị trường là sản phẩm Gas Thái Dương.

❖ ***Các sản phẩm chính của Công ty***

* *Gas Thái Dương*

Gas Thái Dương với sản phẩm bình gas 12kg đặc trưng mang thương hiệu Thái Dương Petrol có hai màu vỏ nhũ và xanh rất bắt mắt dã, dang và sẽ tạo ấn tượng tốt với người tiêu dùng với sản phẩm đáp ứng độ an toàn, chất lượng cao, mẫu mã cùng kênh phân phối da dạng đến người tiêu dùng và dịch vụ khách hàng sau bán hoàn hảo.

Năm 2022, Công ty tập trung kinh doanh các mặt hàng như khí hóa lỏng (LPG), thép cuộn cán nóng, thép hình, thép tấm, thép góc, v.v....

* *Kinh doanh thép thương mại, xuất khẩu nông sản*

Trong những năm gần đây, ngành thép đã có sự phát triển mạnh mẽ về năng lực cũng như công nghệ. Một số nhà máy thép có công suất lớn, chất lượng thép cao được đầu tư đi vào hoạt

Được quét bằng CamScanner

động Tính đến năm 2021, năng lực sản xuất phôi thép của các doanh nghiệp trong nước là 27 triệu tấn/năm, trong đó thép cuộn cán nóng (HRC) là 7-8 triệu tấn/năm.

Với thép xây dựng, năng lực sản xuất trong nước khoảng 14 triệu tấn sẽ đảm bảo 100% cho nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như đáp ứng được một phần nhu cầu xuất khẩu. Trong đó, có 42% sản xuất là được sử dụng từ phế liệu thép nhập khẩu; có 58% sản xuất từ lò cao, sử dụng nguyên liệu là quặng sắt. Hay như thép phục vụ ngành cơ khí, chế tạo, Việt Nam cũng đã sản xuất và đáp ứng được một phần thép cuộn cán nóng HRC (khoảng 8 triệu tấn/năm).

Năng lực cạnh tranh của ngành thép Việt Nam được Bộ Công Thương nhìn nhận là khá thấp khi phần lớn các nguyên liệu đầu vào để sản xuất thép phải nhập khẩu. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại nhà máy có công suất nhỏ, thiết bị lạc hậu, tiêu tốn năng lượng và nguy cơ về môi trường.

Bên cạnh đó, ngành thép của Việt Nam cơ bản phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nước ngoài như: quặng sắt, thép phế liệu, than mỡ luyện cốc, điện cực graphite… nên khi giá các nguyên liệu đầu vào biến động sẽ làm giá thép thành phẩm trong nước cũng phải điều chỉnh theo thị trường thế giới.

Đáng chú ý, trong giai đoạn 2016-2021, ngành công nghiệp thép đã có sự phát triển nhanh nhưng mất cân đối giữa phát triển thượng nguồn và hạ nguồn. Các sản phẩm sau thép như tôn mạ kẽm, thép ống tăng trưởng tốt về giá trị sản xuất và xuất khẩu. Trong khi đó, các chủng loại thép hợp kim, đặc biệt là HRC – nguyên liệu đầu vào cần thiết cho nhiều ngành như sản xuất thép cán nguội (CRC), tôn mạ, ống thép, đóng tàu, cơ khí chế tạo có nhu cầu lớn, song năng lực sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu nên dẫn đến tiếp tục phải nhập khẩu với số lượng lớn.

Theo báo cáo, ngành thép có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là ngành công nghiệp nền tảng, vật liệu đầu vào cho các ngành kinh tế quan trọng của đất nước như cơ khi chế tạo, công nghiệp hỗ trợ... Mặt khác, phát triển công nghiệp sản xuất thép lớn mạnh cũng là tạo nền tảng vững chắc và phát triển thị trường cho các ngành chế biến chế tạo, xây dựng, cơ khí... góp phần tạo nguồn cung ứng ổn định và nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của các ngành công nghiệp.

Ngành thép cũng đóng góp quan trọng cho quá trình chuyển dịch, đô thị hóa đất nước, tác động nhiều mặt đến sự phát triển kinh tế- xã hội. Với mức tiêu thụ thép trên bình quân đầu người của Việt Nam (khoảng 240kg/1 người/năm) còn rất thấp so với các nước trong khu vực như Malaysia, Trung Quốc, dư địa và tiềm năng phát triển của ngành thép Việt Nam trong thời gian tới là rất lớn. Mặc dù ngành thép có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng Bộ Công Thương cho rằng, tại thời điểm

Được quét bằng CamScanner

hiện tại, Việt Nam không có chính sách đặc thù, riêng biệt để thúc dẩy, cũng như định hướng để phát triển ngành thép.

Chính bởi vậy, kể từ năm 2019, công ty mở rộng lĩnh vực kinh doanh và bắt dầu triển khai thường mại một số mặt hàng mới: các loại thép xây dựng và xuất khẩu một số loại nông sản xuất khẩu (chuối và thanh long). Những mặt hàng này dã đem lại lại doanh thu và lợi nhuận lớn cho công ty trong năm 2021, 2022.

** Kinh doanh cho thuê BĐS công nghiệp và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp*

Kể từ 2020 Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng nhà xưởng dể cho thuê tại lô D1 khu công nghiệp Đình Trám, Việt Yên, Bắc Giang

Hiện nay, TDG đang thực hiện các bước cuối cùng việc thực hiện dầu tư Kinh doanh Hạ tầng Cụm Công nghiệp Bắc Sơn 2 tại Huyện Bắc Sơn, tỉnh Bắc Sơn với tổng suất dầu tư gần 300 tỷ đồng

❖ ***Địa bàn kinh doanh:***

Kể từ khi thành lập, các sản phẩm của Công ty được cung cấp chủ yếu trên thị trường tỉnh Bắc Giang. Trong những năm gần đây, công ty đã mở rộng ra các thị trường khác tại các tỉnh lân cận như Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nội... Thị phần của TDG năm 2017 khu vực phía Bắc là 3,45%. Năm 2018, Công ty đầu tư mở rộng hệ thống phân phối thông qua việc thực hiện dầu tư, liên doanh liên kết với một số đối tác để gia tăng được thị phần. Năm 2019 đến nay công ty vẫn duy trì mặt hàng gas (LPG) đồng thời kinh doanh thêm một số mặt hàng khác như vật liệu xây dựng (sắt thép, vật liệu xây dựng) với nhiều công ty ở các tỉnh, thành và hàng nông sản kể cả xuất khẩu sang Trung Quốc.

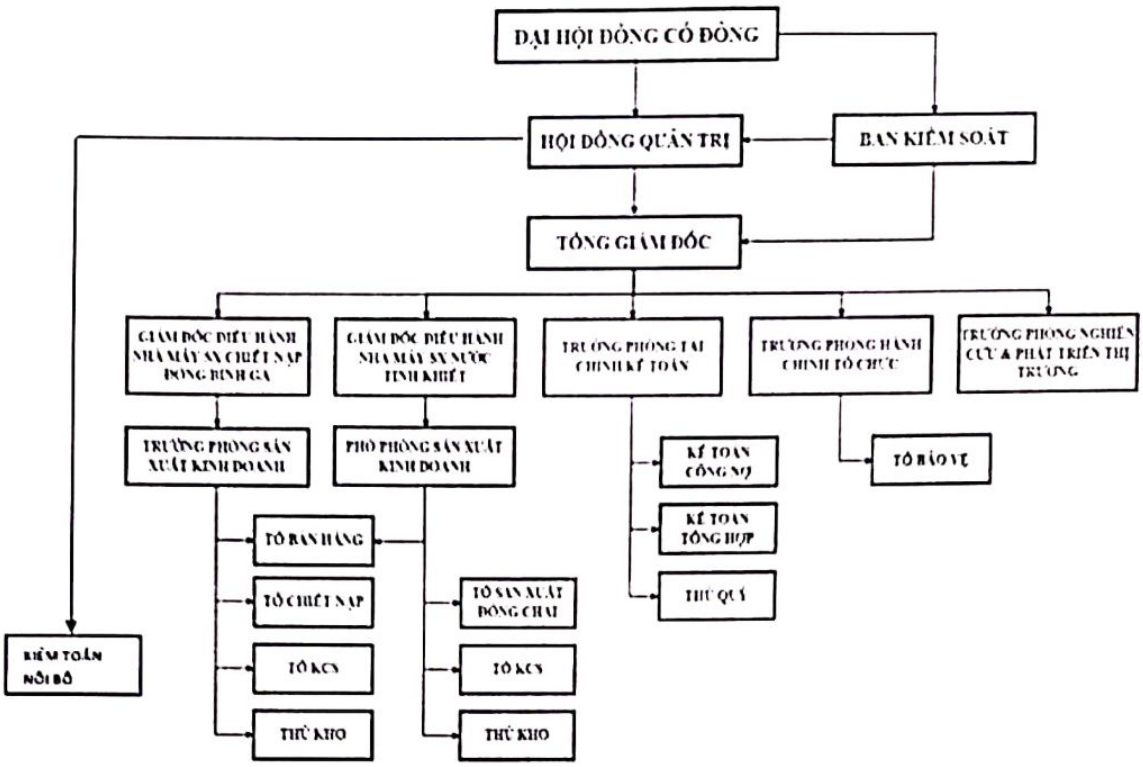
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ ***Mô hình quản trị***

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm các bộ phận sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc; Các phòng ban chức năng.

❖ ***Cơ cấu bộ máy quản lý***

Được quét bằng CamScanner



Diễn giải chức năng, vai trò của mỗi phòng ban:

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

- **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc: Tổng Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- **Các phòng ban nghiệp vụ**

Được quét bằng CamScanner

Các phòng ban nghiệp vụ: Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Công ty hiện có 4 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:

- *Phòng Sản xuất và Kinh doanh:* có chức năng kinh doanh và thực hiện các mục tiêu, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất. Có chức năng tổ chức thực hiện lập kế hoạch, quản lý kỹ thuật trong các lĩnh vực chuyên môn.
- *Phòng Tổ chức - Hành chính:* có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.
- *Phòng Tài chính - Kế toán:* có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.
- *Phòng Marketing:* Có chức năng trong việc tìm hiểu thị trường, khai thác thị trường tiềm năng và thị trường sẵn có của Công ty, phân tích động thái thị trường nói chung và ngành gas khí hóa lỏng nói riêng. Mục tiêu của phòng marketing là sáng tạo sự độc đáo về mẫu mã, nối kết khách hàng với công ty và phát triển các kênh phân phối sản phẩm của Công ty đến người tiêu dùng.

❖ ***Các công ty con, công ty liên kết:*** Không có

5. Định hướng phát triển

❖ ***Vị thế Công ty trong ngành***

Sản phẩm LPG đã có mặt tại miền Nam Việt Nam từ những năm 1957. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh, môi trường đầu tư thông thoáng hơn, ngày càng nhiều ngành nghề có nhu cầu sử dụng gas khá cao như: Nhà máy sản xuất gạch ceramic, mỹ nghệ, gốm, công nghệ nhuộm, sản xuất bao bì, cho kênh nhà hàng khách sạn, sản xuất thép, thức ăn công nghiệp như chưng cất thức ăn gia súc, ngành sơn tĩnh diện cho bàn ghế tủ xe máy, sơn công nghiệp. Bên cạnh đó, đời sống nhân dân được cải thiện đã kích thích nhu cầu tiêu dùng gas trong các hộ gia đình, thị trường ngày càng trở nên sôi động và tăng trưởng với tốc độ khá cao qua từng năm với sự tham gia của các công ty công ty nổi tiếng trong nước và quốc tế như BP, Shell, Total, PTT, Petrogas.

CTCP Đầu tư TDG Global là một doanh nghiệp tư nhân có cơ sở hạ tầng ổn định, tài sản đất đai là đất dự án thuê 50 năm với ưu đãi thuế của Nhà nước. Trong tương lai, Công ty dự định tìm kiếm đầu tư từ các đối tác chiến lược để tăng cường năng lực tài chính và khả năng sản xuất.

Được quét bằng CamScanner

Hiện nay, sản phẩm Gas Thái Dương là sản phẩm khí đốt hóa lỏng chủ đạo của tỉnh Bắc Giang, sản lượng sản phẩm của Công ty tại Bắc Giang chiếm đến 80% trên tổng lượng gas được tiêu thụ tại đây. Tiếp sau đó là các thị trường tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, sản phẩm Gas Thái Dương cũng chiếm thị phần tương đối lớn với con số lần lượt là 20%, 10%, 10%.

Đây là những thị trường mà Công ty đặt mục tiêu tiếp tục tăng lượng sản phẩm tiêu thụ, mở rộng thị phần trong tương lai. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trên thị trường Hà Nội, và một số tỉnh thành khác. Thị trường Hà Nội mặc dù là một thị trường tiềm năng, tuy nhiên với áp lực về cạnh tranh với các đối thủ lớn như: Petrolimex, Thăng Long Gas, Việt Gas, ELFGas, và các hãng khác, cùng với yêu cầu của người tiêu dùng cao hơn, tỷ lệ thị phần của Công ty tại Hà Nội khiêm tốn hơn các địa bàn khác. Từ cơ cấu phân phối và thị phần trong ngành, có thể thấy, ngoài việc mở rộng sản xuất kinh doanh để tăng lợi nhuận, Công ty còn cần nỗ lực phát triển mạnh thương hiệu qua những phương tiện truyền thông để tăng thị phần tại các thị trường khác ngoài Bắc Giang, đồng thời mở rộng phạm vi hoạt động sang các khu vực khác bao gồm trong nước và ngoài nước, đưa thương hiệu Thái Dương Gas đến với nhiều người tiêu dùng hơn, sẵn sàng cạnh tranh với các đối thủ lớn, tại các thị trường lớn và khó tính.

❖ ***Các mục tiêu chủ yếu của Công ty***

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, Công ty đã không ngừng mở rộng, xây dựng và phát triển theo hướng đa ngành, phù hợp với sự phát triển của cơ chế thị trường theo định hướng của Nhà nước, bảo đảm lợi ích hài hòa của Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động và nhà đầu tư. Cụ thể:

Mục tiêu 2023:

- Năm 2023, Công ty tập trung vào mặt hàng Gas Thái Dương, mở rộng thị trường để phân phối cho các tỉnh thành lân cận như Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên. Đồng thời, năm 2023 Công ty sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm dịch vụ mang lại doanh thu lớn như: kinh doanh thép, vật liệu xây dựng, các sản phẩm nông nghiệp, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh nhà xưởng cho thuê, xây dựng và tổ chức chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghệ cao, sản xuất kinh doanh năng lương điện tái tạo.
- Tiếp tục nghiên cứu về quy trình sản xuất để giảm thiểu chi phí nguyên vật liệu cũng như gia tăng năng suất lao động. Đồng thời quan tâm chặt chẽ vấn đề phòng cháy chữa cháy để hạn chế tối đa những nguy cơ cháy nổ gây thiệt hại về tài sản, tính mạng.
- Đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, sản phẩm để tìm ra hướng phát triển sản phẩm mới tối ưu nhất.

Được quét bằng CamScanner

- Củng cố nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường bằng cách xây dựng, mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm.

Chiến lược phát phát triển trung và dài hạn

- Nghiên cứu và phát triển chăn nuôi bò chất lượng cao tại nước CHDCND Lào trên diện tích 150ha
- Tiếp tục đẩy mạnh làm chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Bắc Sơn 1 (23ha), Cụm công nghiệp Tân Thanh (70ha).
- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng sản lượng gas bình quân hàng năm khoảng 5%. Lợi nhuận tăng trưởng bền vững, đảm vảo chi trả cổ tức và lợi nhuận để tái đầu tư.
- Xây dựng cơ cấu tài chính hợp lý, an toàn và hiệu quả hơn.
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, tiền lương, thưởng nhằm khuyến khích, tăng năng suất lao động cũng như tạo môi trường phù hợp cho cán bộ công nhân viên phát triển.
- Luôn xác định mức giá hợp lý cùng với một số hãng Gas khác nhằm bình ổn giá thị trường, đảm bảo hài hòa, tránh trình trạng bất ổn khi có sự thay dổi giá dầu mỏ hóa lỏng trong và ngoài nước.
- Mục tiêu tăng trưởng sản lượng Gas bình quân hàng năm là 5%. Thu được lợi nhuận bình ổn, đảm bảo cho việc chi trả cổ tức và tái đầu tư.
- Cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo môi trường để mọi cán bộ công nhân viên đều có khả năng phát triển.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hướng về cộng đồng.
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và địa phương.
- Chú trọng phát triển cán bộ, công nhân viên trong toàn thể công ty.
- Chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, kiểm tra hệ thống bình chứa gas thường xuyên để tránh tình trạng rò rỉ gây nguy hiểm.

6. Báo cáo quản trị rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Kết thúc năm 2022, GDP nước ta đạt mức tăng trưởng 8.02%, kinh tế Việt Nam không tránh khỏi những tác động bất lợi của đại dịch Covid-19 hay chiến sự Nga – Ukraine. Trong những tháng

Được quét bằng CamScanner

cuối năm 2022, nhiều khó khăn, thách thức cũng bộc lộ rõ khi nền kinh tế rơi vào tình trạng gần như mất thanh khoản do nhiều doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, mỗi tháng có tới gần 10.000 doanh nghiệp rút khỏi thị trường, số lao động thất nghiệp tăng mạnh, lãi suất cho vay và huy động tăng cao, giải ngân đầu tư công không đạt kế hoạch,... Đứng trước tình hình đó, công ty Thái Dương đã cắt giảm các khoản chi tiêu chưa cần thiết, đảm bảo hiệu quả hoạt động và dòng tiền của công ty. Giải quyết ngay những vấn đề phát sinh đột xuất, bất thường có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đồng thời công ty cũng đã chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin thị trường, tình hình kinh tế, thực hiện đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào; tăng cường liên kết thông qua các chuỗi cung ứng.

b. Rủi ro lạm phát:

Tình trạng lạm phát tăng sẽ ảnh hưởng chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến nhiều ngành nghề kinh doanh. Khi CPI giữ ở mức thấp, ổn định, Ngân hàng nhà nước mới có thể tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm lãi suất cho vay và giúp các doanh nghiệp giảm thiểu được chi phí, giá thành,...làm kích thích nhu cầu tiêu dùng. Bên cạnh đó khi lãi suất huy động và lãi suất cho vay đều giảm sẽ kích thích người tiêu dùng nhiều hơn, từ đó giúp cho sản xuất và tăng trưởng có được những tác động tích cực.

Năm 2022, tuy lạm phát được kiểm soát nhưng do ảnh hưởng của giá xăng dầu tăng mạnh, dẫn đến đa số các mặt hàng đều tăng giá, làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay tăng mạnh cũng là nguyên nhân dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào biến động tăng theo, do vậy để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào với giá thành hợp lý.

c. Rủi ro ngành

Đặc điểm của ngành gas là có tính cạnh tranh cao, nên đối với thị trường Bắc Giang Công ty vẫn còn gặp nhiều hạn chế khi phải đối mặt với các công ty có thương hiệu uy tín khác như Petrolimex, PetroVietnam gas, Gia Định gas,... Trước tình hình đó, Công ty đã đưa ra những chính sách bán hàng hợp lý nhằm tạo chỗ đứng và tiếp cận nhiều hơn với khách hàng.

Ngoài ra, Công ty còn đối mặt với sự cạnh tranh từ các nguồn nhiên liệu thay thế khác như biomass, than đá,... Tuy nhiên, cho đến hiện nay nhiên liệu gas vẫn luôn có thị phần ổn định trên thị trường, điều này giúp cho Công ty chiếm ưu thế lớn.

d. Rủi ro hoạt động

❖ ***Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào:***

Được quét bằng CamScanner

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global bao gồm gas, sắt thép dùng để chế tạo vỏ bình gas và nguồn nước khai thác từ lòng đất, cụ thể:

Các sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là gas nên giá mua từ các nhà cung cấp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Thông thường, giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ chiếm 80-90% giá thành phẩm do Công ty sản xuất ra. Năm 2022, cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu đã khiến cho giá các loại năng lượng nhập khẩu tăng mạnh, điều này làm cho giá các loại năng lượng sản xuất trong nước cũng tăng với các mức độ khác nhau.

Cùng với khí gas, Công ty còn nhập sắt thép để gia công tạo vỏ bình, do đó cũng chịu ảnh hưởng từ biến động giá sắt thép trên thị trường trong và ngoài nước. Trong năm 2022, ngành sắt thép Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi giá sắt thép tăng mạnh, điều này được dự kiến sẽ kéo dài sang đến quý I/2023. Trước tình hình đó, Công ty đã có những tính toán hợp lý về số lượng vỏ bình gas lưu thông cũng như vỏ gas dự trữ, từ đó tính toán thời điểm thích hợp để nhập sắt, thép, để vừa đáp ứng nhu cầu về mặt số lượng theo quy định của Nhà nước, vừa tiết kiệm chi phí lưu kho.

❖ **Rủi ro an toàn trong lao động:**

Ngành khí đốt luôn phải đối mặt với rủi ro hỏa hoạn, sự cố máy móc, tai nạn giao thông, tai nạn lao động hay sét đánh, rò rỉ khí,... trong suốt quá trình vận hành, sản xuất, phân phối khí gas. Những sự cố xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, tiến độ thực hiện dự dự án cũng như uy tín của Công ty với người lao động và khách hàng. Do đó, Công ty đã đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường, thực hiện an toàn lao động trên hết, xây dựng đầy đủ các phương án chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp và thực hiện công tác kiểm định, bảo dưỡng hệ thống, nhà máy thường xuyên, giúp duy trì hoạt động ổn định, liên tục.

e. Rủi ro về môi trường:

Khí hóa lỏng tồn trữ ở trạng thái lỏng với áp suất cao, khi áp suất trong bình bị giảm hoặc LPG bị rò rỉ ra ngoài không khí chúng sẽ nhanh chóng hóa hơi ở điều kiện khí quyển và tạo hiệu ứng lạnh. Ngoài ra, LPG là chất lỏng dễ bay hơi nên khi rò rỉ ra môi trường thì LPG bốc hơi rất nhanh và hòa trộn với không khí tạo thành hỗn hợp chất nổ nguy hiểm. Vì vậy, hằng năm Công ty thực hiện các chương trình giám sát môi trường định kỳ theo đề án Bảo vệ môi trường được Cơ quan quản lý phê duyệt. Bên cạnh đó Công ty còn căn cứ theo Kế hoạch quan trắc môi trường tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu khí, mẫu nước tại Công ty, đảm bảo các quy định về môi trường.

Được quét bằng CamScanner

f. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, Công ty còn chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như: rủi ro luật pháp, rủi ro vận hành, rủi ro công nghệ thông tin... do vậy, Công ty luôn đề cao những chính sách phòng chống những rủi ro trên, thường xuyên theo dõi những biến động bất thường để có những biện pháp xử lý kịp thời.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trong năm 2022, thị trường kinh doanh LPG bị tác động lớn của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới và tình trạng cạnh tranh gay gắt ở các thị trường với nhiều thương hiệu lớn, mặc dù đã áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng, chiết khấu nhưng doanh thu năm 2022 giảm nhẹ (10,53%) so với năm 2021. Cụ thể doanh thu năm 2022 của Công ty đạt 1.304 tỷ đồng, trong đó, chủ yếu là doanh thu buôn bán vật liệu thép.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	1.458.001.877.827	1.304.480.196.691	-10,53%
Doanh thu cung cấp hàng hóa	1.455.459.507.867	1.304.429.384.341	-10,38%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.542.369.960	50.812.350	-98,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 của công ty

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 thực hiện với kế hoạch: Doanh thu thuần đạt 1.304 tỷ đồng đạt 72,47% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 14,14 tỷ đồng đạt 64,29% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 11,26 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch đã đề ra.

Bảng 2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	% TH/KH
Doanh thu thuần	1.304.480.196.691	1.800.000.000.000	72,47%
Lợi nhuận trước thuế	14.143.205.154	22.000.000.000	64,29%
Lợi nhuận sau thuế	11.263.530.356	17.600.000.000	64,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 của công ty

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách ban điều hành

- **Hội đồng quản trị**

Được quét bằng CamScanner

- ***Ông Võ Anh Thái – Chủ tịch Hội đồng Quản trị***

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - Đại Học Ngoại Thương

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.266.400 cổ phiếu (chốt ngày 24/11/2022)

Tỷ lệ nắm giữ: 7,55%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1979 – 1982	Học tại Học viện Kỹ thuật quân sự Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc
1982 – 1987	Sinh viên Đại học ngoại thương Hà Nội
1982 – 1988	Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội – Tiếng Anh
1993 – 1994	Cao học tại Học viện Quản lý kinh tế Hà Lan
1994 – 1998	Cao học tại Đại học ngoại thương Hà Nội
1988 – 2004	Chuyên viên Công ty XNK thiết bị toàn bộ và kỹ thuật, Bộ Thương mại
2004 - đến nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP sản xuất thương mại Thái Dương
2006 - đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

- ***Ông Lê Minh Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc***

Ngày tháng năm sinh: 17/05/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng - Học Viện Ngân Hàng

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.130.418 cổ phiếu (chốt ngày 26/11/2022)

Tỷ lệ nắm giữ: 12,7%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1992 – 1996	Học viện Ngân hàng Hà Nội
1997 -1999	Chuyên viên Công ty TNHH Dầu khí Hà Nội
1999 – 2001	Phó phòng tại Xí nghiệp Gas – Công ty xây dựng Hà Nội
2001 – 2006	Phó Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại khí đốt Gia Định HN
2006 - đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
2006 - đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

- ***Ông Trần Đình Cơ - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc***

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1959

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Cơ khí

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Được quét bằng CamScanner

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1977 – 1980	Trung cấp cơ khí
1980 – 1984	Chuyên viên tại Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo – Hà Nội
1984 – 1987	Bộ đội binh chủng Phòng không – Không quân
1987 – 1990	Thực tập sinh tại Tiệp Khắc
1990 – 1994	Học tại chức kinh tế tài chính Hà Nội
1994 – 2000	Chuyên viên Công ty Cổ phần Thái Lan – Thức ăn gia súc
2000 – 2005	Chuyên viên Công ty TNHH dịch vụ và thương mại khí đốt Gia Định HN
2007 – 2014	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty Cổ phần Khí đốt Thái Dương
2014 - Đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
2014 - Đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

b. Ban Tổng giám đốc

- ***Ông Lê Minh Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:*** Như trên
- ***Ông Nguyễn Hà Bắc - Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất***

Ngày tháng năm sinh: 28/12/1986

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2005 – 2008	Chuyên viên tại Công ty Giấy Nam Giang
2008 – Nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

- ***Bà Nguyễn Thị Linh Hương - Kế toán trưởng***

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1984

Trình độ chuyên môn: Trung cấp

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác

Được quét bằng CamScanner

2005 – 2007	Kế toán tại Công ty dịch vụ điều hoà không khí Việt Nhật Veja
2007 – Nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

c. Ban kiểm soát

- ***Bà Lương Hải Yến – Trưởng Ban kiểm soát***

Ngày tháng năm sinh: 26/07/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2006 – 2008	Kế toán tại Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hoàng Giang, Bắc Giang
2008-2013	Sinh viên Trường đại học Kinh tế Quốc dân
2013-2014	Kế toán tại Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hoàng Giang, Bắc Giang
2014 – T3/2017	Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
T3/2017 – nay	Trưởng Ban kiểm soát

- ***Ông Dương Đình Chiến – Thành viên Ban kiểm soát***

Ngày tháng năm sinh: 08/01/1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân; Chứng chỉ kế toán trưởng

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
1990 – 1992	Trường Trung học Ngân hàng TW nay là Học viện Ngân hàng – Phân viện Bắc Ninh
1992 – 2001	Cán bộ Liên hiệp Khoa học sản xuất Mỏ - Hội Khoa học kỹ thuật Mỏ Việt Nam – 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội
1996 – 2001	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
2001 – 2005	Chuyên viên Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Thái Dương

Được quét bằng CamScanner

2005 – Nay	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
2015 – Nay	Hiện là học viên Cao học – Học viện công nghệ bưu chính viễn thông Việt Nam
2015 – 2017	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
2017 – nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

- ***Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát***

Ngày tháng năm sinh: 03/07/1963

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại Thương

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1988 – 2003	Cán bộ phòng Tổ chức Công ty XNK Mỹ nghệ Thăng Long - Bộ Thương Mại. Công ty cử đi học chuyên tu tại Đại học ngoại thương, chuyên ngành kinh tế ngoại thương.
2003 – 2006	Phó Giám đốc CTCP Thương mại Xây dựng Đầu tư Bất động sản
2006 – Nay	Chuyên viên CTCP Đầu tư Bất động sản và Thương mại Thăng Long
2006 – nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

d. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

e. Cán bộ, nhân viên

❖ **Số lượng cán bộ nhân viên:** Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số lượng cán bộ nhân viên tại Công ty là 17 lao động.

❖ **Cơ cấu lao động như sau:**

Bảng 3. Cơ cấu lao động năm 2022 (tính đến ngày 31/12/2022)

Loại lao động	Số lượng (Người)	Tỷ lệ
Phân theo trình độ học vấn	**17**	**100%**
Trên đại học, đại học	9	53%
Cao đẳng, trung cấp	5	29,4%
Trung học phổ thông	3	17,6%

Được quét bằng CamScanner

Phân theo giới tính	17	100%
Nam	9	53%
Nữ	08	47%

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo và chế độ làm việc:**

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Điều kiện làm việc: Người lao động được đảm bảo điều kiện lao động phù hợp với tiêu chuẩn, được trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân theo quy định.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập, để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng, hòa đồng với tập thể, gắn bó lâu dài với Công ty. Ứng viên nộp đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Tổ chức – hành chính xem xét hồ sơ và phỏng vấn sơ bộ, đề nghị Ban Tổng Giám đốc xem xét mời phỏng vấn chính thức. Ban Tổng Giám đốc quyết định việc chấp thuận ứng viên ký hợp đồng thử việc theo quy định của Luật lao động. Sau thời gian thử việc, Trưởng bộ phận căn cứ năng lực làm việc của nhân viên nhận xét vào Báo cáo thử việc của nhân viên thử việc, nếu đạt yêu cầu, nhân viên đó được Ban Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động chính thức.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng và chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khoá học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty. Những nhân sự được cử đi đào tạo được hưởng nguyên lương, được Công ty đài thọ toàn bộ kinh phí khóa học. Ngoài các khóa huấn luyện và đào tạo do Công ty tổ chức, Công ty khuyến khích cán bộ – nhân viên tham dự các khoá đào tạo ngoài giờ làm việc. Sau khoá học nhân viên cung cấp văn bằng chứng chỉ tốt nghiệp, Công ty hỗ trợ thanh toán một phần kinh phí khoá học tùy thuộc vào kết quả đạt loại giỏi, khá, trung bình.

❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

➢ ***Chính sách lương***

- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo thời gian làm việc. Nhân viên được hưởng lương chính theo Hợp đồng lao động ký kết, các mức lương theo hợp đồng sẽ là căn cứ để Công ty tính khoản tiền đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật.

- Người lao động được trả lương làm thêm giờ khi làm việc ngoài thời giờ quy định theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật lao động. Lương làm thêm giờ thực trả được tính:

+ Bằng 150% so với tiền lương thực trả của ngày bình thường;

+ Bằng 200% so với tiền lương thực trả của ngày nghỉ hàng tuần;

+ Bằng 300% so với tiền lương thực trả của ngày nghỉ lễ, tết.

- Mức lương bình quân qua các năm:

	2017	2018	2019	2020	2021	2022

Được quét bằng CamScanner

Mức lương trung bình người/tháng	6.500.000	7.000.000	7.000.000	8.500.000	8.500.000	8.500.000

Mức lương bình quân qua các năm của Công ty có xu hướng tăng từ năm 2016 đến năm 2020. Năm 2021 và năm 2022, mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 và hậu đại dịch, đồng thời chi phí sản xuất tăng cao do giá nguyên vật liệu đầu vào, lãi suất tăng mạnh, nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì mức lương ổn định cho người lao động, đảm bảo cuộc sống cho từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

➢ ***Chính sách thưởng:***

Hàng tháng, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV, Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần thưởng được trả theo quyết định khen thưởng.

Ngoài ra, vào cuối mỗi năm tài chính, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu cá nhân trong đánh giá định kỳ hàng tháng. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ Công nhân viên nhằm khen thưởng Công nhân viên theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc; tạo một môi trường thi đua lành mạnh để Công nhân viên phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh; đáp ứng nhu cầu được công nhận, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà Công nhân viên đã thể hiện.

➢ ***Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:***

Người lao động sau khi ký kết hợp đồng lao động có thời hạn 3 tháng trở lên sẽ được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định. Phụ cấp suất ăn giữa ca, suất ăn tăng ca, phụ cấp làm thêm giờ…Xe đưa đón Công nhân viên ở xa nơi công tác, xe ô tô phục vụ các chuyến đi công tác xa. Các chế độ phúc lợi: Sinh nhật, tang ma, cưới hỏi, đau bệnh, phụ cấp tàu xe đi đường khi về thăm quê…Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định Pháp luật. Chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường hoàn thiện.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

f. Các khoản đầu tư lớn: Không có

g. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

Bảng 4. Tình hình cơ cấu doanh thu năm 2021 và năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm

Được quét bằng CamScanner

Tổng giá trị tài sản	570.786.675.943	577.288.510.022	1,14%
Doanh thu thuần	1.458.001.877.827	1.304.480.196.391	-10,53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.134.037.676	15.623.430.668	-22,40%
Lợi nhuận khác	-153.786.911	-1.480.225.541	862,52%
Lợi nhuận trước thuế	19.980.250.765	14.143.205.154	-29,21%
Lợi nhuận sau thuế	15.715.223.649	11.263.530.356	-28,33%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2022 của CTCP Đầu tư TDG Global

h. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 5. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,992	1,11
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,89	0,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,45%	60,93%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	166,34%	155,93%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/BQ Hàng tồn kho	Vòng	49,24	13,88
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/BQ Tổng tài sản	Vòng	2,87	2,27
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/DTT	%	1,078%	0,86%
+ Hệ số LNST/VCSH	%	7,33%	4,99%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	2,75%	1,95%
+ Hệ số LNHĐKD/DTT	%	1,38%	1,20%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022 của CTCP Đầu tư TDG Global

Được quét bằng CamScanner

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 16.770.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000đ/cp
- Vốn điều lệ: 167.700.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng*)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không.

b. Cơ cấu cổ đông

Bảng 6. Cơ cấu cổ đông CTCP Đầu tư TDG Global (*)

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I.	**Cổ đông trong nước và ngoài nước**			
1.	Trong nước	3.301	16.724.031	99,73%
2.	Ngoài nước	14	45.969	0,27%
II.	**Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân**			
1.	Tổ chức	25	312.377	1,86%
2.	Cá nhân	3.290	16.457.623	98,14%
III	**Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ**			
1	Cổ đông lớn	3	2.615.018	15,59%
2	Cổ đông nhỏ	3.312	14.154.982	84,41%
IV	**Cổ đông nhà nước và cổ đông khác**			
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0%
2	Cổ đông khác	3.315	16.770.000	100%

(*) Cơ cấu cổ đông dựa trên Danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại ngày 26/04/2022

Được quét bằng CamScanner

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ ngày hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành tăng vốn 08 lần từ 2.000.000.000 đồng lên 167.700.000.000 tỷ đồng, cụ thể:

Bảng 7. Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian phát hành	Loại Phát hành	VDL trước phát hành (đồng)	VDL sau phát hành (đồng)	SL cổ đông trước phát hành (Cổ đông)	Số lượng cổ đông sau phát hành (Cổ đông)
1	01/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	2.000.000.000	4.000.000.000	03	03
2	11/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	4.000.000.000	8.000.000.000	03	03
3	06/2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	8.000.000.000	12.000.000.000	03	03
4	03/2009	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	12.000.000.000	16.000.000.000	03	03
5	03/2011	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	16.000.000.000	22.000.000.000	03	03
6	08/2015	Phát hành riêng lẻ	22.000.000.000	108.000.000.000	03	14
7	09/2016	Phát hành riêng lẻ	108.000.000.000	129.000.000.000	111	114
8	10/2018	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	129.000.000.000	167.700.000.000	1.296	1.296

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global không cổ phiếu quỹ. Trong năm 2022 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác

Ngoài cổ phiếu phổ thông, Công ty không có các loại chứng khoán khác

Được quét bằng CamScanner

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù sản phẩm kinh doanh của Công ty là Gas, do vậy công tác vận chuyển, lưu kho, lưu trữ rất cần được chú trọng do liên quan đến công tác an toàn, phòng chống cháy nổ. Tại Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global quá trình quản lý hàng tồn kho, công tác vận chuyển, bán hàng luôn được quan tâm đầu tư chú trọng, chính sách quản lý chi phí hợp lý, vừa đảm bảo tiết kiệm vừa đảm bảo an toàn hiệu quả.

b. Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2022, Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm hướng đến mục tiêu vì một môi trường xanh, sạch và hiệu quả.

c. Tiêu thụ nước

❖ *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng*

Nguồn nước sạch sử dụng được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang từ tháng 10/2012

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ, do vậy Công ty không ngừng tuyên truyền cho từng cán bộ công nhân viên trong Công ty nhằm nâng cao nhận thức của người lao động về công tác bảo vệ môi trường.

e. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global xây dựng chính sách dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng, cạnh tranh và hợp lý với phương pháp đánh giá theo năng lực, vị trí, hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, hằng năm Công ty còn thực hiện công tác rà soát, kiểm tra tình hình lao động, đảm bảo sức khỏe cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Bên cạnh đó, hằng năm Công ty còn tổ chức các chuyến tham quan du lịch, các hoạt động văn hóa nhằm tạo ra sân chơi lành mạnh, khích lệ tinh thần một cách hiệu quả, an toàn, tiết kiệm giúp tái tạo sức lao động để bắt đầu lại công việc hăng hái hơn. Công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong Công ty luôn được chú trọng. Ngoài các khóa huấn luyện và đào tạo do Công ty tổ chức như: việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng và chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty, các khóa học đào tạo bên ngoài theo kế hoạch của Công ty, ... Công ty còn khuyến khích cán bộ -

Được quét bằng CamScanner

nhân viên tham dự các khóa đào tạo ngoài giờ làm việc và có hỗ trợ thanh toán một phần kinh phí khóa học tùy thuộc và kết quả đạt được.

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global ngoài các mục tiêu kinh doanh, công ty còn rất chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội. Năm 2022, với nhiều hoạt động thiết thực như hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Hòa Bình và Lạng Sơn, v.v.....Công ty hy vọng góp sức mình nhằm đem lại những giá trị thiết thực, nâng cao đời sống của cộng đồng.

g. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 với sự ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch covid 19, cuộc khủng hoảng năng lượng dẫn đến giá dầu tăng vọt, là nguyên nhân dẫn đến hầu hết giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Bên cạnh đó, lãi suất ngân hàng trong giai đoạn cuối năm 2022 cũng biến động tăng làm cho chi phí đầu vào của Công ty tăng mạnh.

Trước những biến động đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực triển khai các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã nỗ lực tìm nhiều dự án để mở rộng kinh doanh thương mại các mặt hàng mang lại doanh thu lớn phù hợp với nhu cầu của thị trường trong năm qua như thép cuộn cán nóng, thép hình, thép tấm, v.v... Cụ thể như sau:

Bảng 8. Tình hình hoạt động của CTCP Đầu tư TDG Global trong năm 2022 so với năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện năm 2022/2021 (%)	Tỷ lệ TH/KH (%)
Doanh thu thuần	1.304.480.196.691	1.800.000.000.000	1.458.001.877.827	89,47%	72,47%
Lợi nhuận trước thuế	14.143.205.154	22.000.000.000	19.980.250.765	70,79%	64,29%
Lợi nhuận sau thuế	11.263.530.356	17.600.000.000	15.715.223.649	71,67%	64,00%

Được quét bằng CamScanner

Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT(%)	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT(%)
Giá vốn hàng bán	1.389.295.154.681	95,29%	1.235.589.513.424	94,72%
Chi phí tài chính	12.673.729.652	0,87%	23.339.606.558	1,79%
Chi phí bán hàng	33.875.548.945	2,32%	30.614.701.310	2,35%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.821.659.858	0,26%	3.432.858.735	0,26%
Chi phí khác	153.786.911	0,01%	1.555.282.222	0,12%
Tổng chi phí	1.439.819.880.047	98,75%	1.294.531.962.249	99,24%

Trong các loại chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất và tỷ lệ so với doanh thu thuần cũng lớn nhất, phù hợp với mô hình công ty sản xuất là chính. Trong năm 2022, tỷ lệ Tổng chi phí so với Doanh thu thuần có xu hướng tăng là do trong năm giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh, các chi phí khác cũng gia tăng đáng kể mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm tiết giảm chi phí.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Được quét bằng CamScanner

Bảng 10. Tình hình tài sản của Công ty cuối kỳ năm 2021 và 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Chênh lệch	% tăng giảm
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**345.719.235.276**	**383.550.213.074**	**37.830.977.798**	**10,94%**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.978.179.024	10.725.051.934	-253.127.090	-2,31%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.536.230.300	35.123.575.300	1.587.345.000	4,73%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	264.458.340.154	188.267.217.573	-76.191.122.581	-28,81%
4. Hàng tồn kho	34.588.657.949	143.498.241.891	108.909.583.942	314,87%
5. Tài sản ngắn hạn khác	2.157.827.849	5.936.126.376	3.778.298.527	175,10%
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	**225.067.440.667**	**193.738.296.948**	**-31.329.143.719**	**-13,92%**
1. Các khoản phải thu dài hạn	60.000.000	60.000.000	-	0,00%
2. Tài sản cố định	14.840.283.692	12.732.159.277	-2.108.124.415	-14,21%
Tài sản cố định hữu hình	*12.548.414.823*	*11.695.153.481*	-853.261.342	-6,80%
Tài sản cố định thuê tài chính	*2.210.363.049*	*955.500.039*	-1.254.863.010	-56,77%
Tài sản cố định vô hình	*81.505.820*	*81.505.820*	-	0,00%
3. Tài sản dài hạn khác	210.167.156.975	180.846.137.671	-29.321.019.304	-13,95%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**570.786.675.943**	**577.288.510.022**	**6.501.834.079**	**1,14%**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022 của CTCP Đầu tư TDG Global

b. Tình hình nợ phải trả

Bảng 11. Tình hình nguồn vốn của Công ty cuối kỳ năm 2021 và 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Chênh lệch	% tăng giảm
A NỢ PHẢI TRẢ	**356.481.187.997**	**351.719.491.720**	-4.761.696.277	-1,34%
I. Nợ ngắn hạn	***348.378.453.483***	***345.436.911.882***	-2.941.541.601	-0,84%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	160.206.640.218	79.967.017.710	-80.239.622.508	-50,09%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.785.946.882	2.916.780.963	-869.165.919	-22,96%
4. Phải trả người lao động	102.511.857	117.581.885	15.070.028	14,70%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	290.057.576	820.531.324	530.473.748	182,89%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31.055.532		-31.055.532	-100,00%
7. Phải trả ngắn hạn khác	264.000.000	264.000.000	-	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	183.698.241.418	261.351.000.000	77.652.758.582	42,27%

Được quét bằng CamScanner

9. Dự phòng phải trả ngắn hạn			-	
II. Nợ dài hạn	*8.102.734.514*	*6.282.579.838*	-1.820.154.676	-22,46%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**214.305.487.946**	**225.569.018.302**	11.263.530.356	5,26%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	167.700.000.000	167.700.000.000	-	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	46.605.487.946	57.869.018.302	11.263.530.356	24,17%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**570.786.675.943**	**577.288.510.022**	6.501.834.079	1,14%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022 của CTCP Đầu tư TDG Global

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Nhằm nỗ lực đạt được các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra và đảm bảo an toàn trong kinh doanh, năm qua Ban Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy doanh số bán hàng, tăng cường sức cạnh tranh, mở rộng thị phần. Tùy thuộc vào tình hình thực tế triển khai Ban Giám đốc đã thực hiện linh hoạt các chính sách bán hàng, giảm giá, chiết khấu nhằm thúc đẩy chỉ tiêu kinh doanh, tạo mối quan hệ sâu rộng với hệ thống phân phối

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường luôn được Ban Giám đốc đầu tư chú trọng. Đồng thời, thực hiện khuyến khích người lao động đưa ra ý tưởng sáng tạo nhằm tạo hiệu quả trong công việc và tiết giảm chi phí một cách tối ưu.

1. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2023, công ty tiếp tục duy trì và thực hiện một số kế hoạch nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới để tăng doanh thu và lợi nhuận trong năm 2023:

- **Đầu tư dự án cụm công nghiệp Bắc Sơn 1 tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.**

  Tổng mức đầu tư dự kiến: 285.000.000.000 đồng

- **Đầu tư dự án cụm công nghiệp Bắc Sơn 2 tại thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.**

  Tổng mức đầu tư dự kiến: 256.240.000.000 đồng

- **Đầu tư tài chính**

  Tổng mức đầu tư dự kiến: 60.000.000.000 đồng

- **Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (thanh toán tiền mua nhiên liệu khí hóa lỏng, thép để sản xuất bình ga, hàng hóa vật liệu xây dựng để kinh doanh,...)**

Được quét bằng CamScanner

Tổng mức đầu tư dự kiến: 43.100.000.000 đồng

- **Đầu tư dự án nhà máy điện Sinh Khối Bắc Sơn tại tỉnh Lạng Sơn.**

  Tổng mức đầu tư dự kiến: 797.129.000.000 đồng

- **Đầu tư dự án trang trại chăn nuôi bò chất lượng cao trên diện tích 150ha tại tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào.**

  Tổng mức đầu tư dự kiến: 400.000.000.000 đồng

2. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình ;
- Công ty có khí thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- 100% Cán bộ nhân viên được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được công ty tham gia đóng bảo hiểm và mua bảo hiểm tự nguyện ;
- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo đúng quy chế lương, đảm bảo đúng thời hạn ;
- Công ty thực hiện thưởng các ngày lễ tết trong năm, thường xuyên thăm hỏi các cán bộ nhân viên khi ốm đau và chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Cùng với hoạt động sản xuất, Công ty không ngừng thúc dẩy các hoạt động đóng góp cho xã hội nằm hướng tới triết lý " Kyosei" – Tất cả mọi người, không phân biệt chủng tốc, tôn giáo và văn hóa, cùng nhau chung sống và làm việc hòa hợp để hướng tới tương lai. Các hoạt động xã hội của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global bao gồm 4 chủ đề chính: Preserve environment & culture (Gìn giữ môi trường và bảo tồn văn hoá); For the next generation (Vì thế hệ tương lai); For the industrialization (Vì sự nghiệp công nghiệp hoá); Smiles to everyone (Đem nụ cười đến với mọi người).

Được quét bằng CamScanner

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh hậu covid-19, thị trường bất động sản suy giảm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gần như đóng băng, giá cả chi phí đầu vào, chi phí nguyên vật liệu, giá xăng dầu, vật tư tăng cao, v.v... tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao, các chỉ tiêu doanh thu và giá trị SXKD:

- Doanh thu đạt: 1.304 tỷ đồng/ KH: 1.800 tỷ đồng (đạt 72,47%)
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 11,268 tỷ đồng / KH: 17,6 tỷ đồng (đạt 64%)

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp và các pháp luật liên quan. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng quy định. Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế tại Công ty để đề ra và phát triển khai các Nghị quyết thực hiện.

2. Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban điều hành Công ty đã triển khai hầu hết các nhiệm vụ theo đúng chủ trương Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Năm 2022, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT như sau:

❖ ***Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ:***

Trong quá trình hoạt động, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi đến HĐQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo rà soát lại các quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch. Trong các kỳ họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu Công ty tăng cường công tác Quản trị rủi ro trong những giai đoạn thị trường diễn biến phức tạp.

❖ ***Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết HĐQT tại các cuộc họp của HĐQT trong năm 2022:***

Với các mục tiêu được thống nhất trong các cuộc họp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai và giám sát thực hiện một cách hiệu quả. Năm 2022, sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty cũng như sự nhạy bén, năng động của Ban Tổng Giám đốc đã giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tích cực.

❖ ***Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát:***

Được quét bằng CamScanner

Năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện kiểm soát toàn bộ các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định của pháp luật và phân công của HDQT. HDQT đã phối hợp tích cực với Ban kiểm soát duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty.

HDQT đánh giá cao công tác quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc, đã tổ chức quản lý, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty; hoàn thành tốt các định hướng và nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ Điều lệ công ty, quy định của pháp luật và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo sự phát triển và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều tăng trưởng, tình hình tài chính lành mạnh; Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào định hướng phát triển Công ty, Hội đồng quản trị đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh và phương hướng hoạt động trong năm tới như sau:

- Tập trung rà soát các quy trình, quy chế của Công ty nhằm hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của TDG; Xây dựng bộ máy quản trị chặt chẽ, không ngừng nâng cao chất lượng quản trị nội bộ của Công ty;
- Đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào các hoạt động của Công ty vừa nâng cao sức mạnh nội tại vừa tiết giảm chi phí hoạt động, giảm giá thành sản phẩm; nâng cao năng suất lao động;
- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động hiệu quả, áp dụng công cụ quản lý tiên tiến nhằm phù hợp với yêu cầu mới; hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, đảm bảo hoạt động Công ty luôn an toàn và đúng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Tăng cường chỉ đạo hoàn thiện công tác quản trị rủi ro doanh nghiệp, quản trị rủi ro dự án. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế đánh giá, cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác quản lý các nguồn lực như nhân lực, tài sản, nguồn vốn.
- Xây dựng Ban pháp chế để cập nhật các luật, thông tư, nghị định. Đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của các đơn vị trong toàn hệ thống, nâng cao hơn nữa vai trò, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban kiểm soát cả về chất lượng và số lượng.

Được quét bằng CamScanner

- Tiếp tục cải thiện môi trường, nâng cao điều kiện, môi trường làm việc cho người lao động, quyết tâm duy trì thời gian làm việc của người lao động như hiện tại, chăm lo tốt các chế độ chính sách cho người lao động, làm tốt công tác từ thiện xã hội.
- Nghiên cứu, mở rộng thị phần ra các tỉnh lân cận, đồng thời tập trung mở rộng thị phần tại các thị trường hiện có nhằm đẩy mạnh quảng bá hình ảnh sản phẩm Gas Thái Dương.
- Xúc tiến các dự án đầu tư đang và sẽ thực hiện trong năm 2022 và những năm tới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. *Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị*

Bảng 12. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Võ Anh Thái	Chủ tịch HĐQT	1.266.400	7,55%
2	Lê Minh Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	2.130.418	12,7%
3	Trần Đình Cơ	Thành viên HĐQT	0	0%

b. *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có*

c. *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2022, công ty tổ chức 07 cuộc họp Hội đồng quản trị để xin các ý kiến thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các trình tự, thủ tục thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích tối đa cho cổ đông. Các Nghị quyết này đều được HĐQT thông qua sau cuộc họp. Nội dung các cuộc họp HĐQT cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	1101/NQ-HĐQT	11/01/2022	Thông qua phương án phát hành trái phiếu trong năm 2022 của CTCP Đầu từ TDG GLOBAL để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
2	2403/NQ-HĐQT2022	23/04/2022	Thông qua việc điều chỉnh phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 số 0412/NQ-ĐHĐCĐ 2021 ngày 04/12/2021 và

Được quét bằng CamScanner

			Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3112/NQ-HĐQT ngày 31/12/2021
3	3103/2022/NQ-HĐQT	31/03/2022	Tổng kết hoạt động kinh doanh quý I/2022
4	0404/2022/NQ-HĐQT	04/04/2022	Kế hoạch tổ chúc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
5	3006/2022/NQ-HĐQT	30/06/2022	Tổng kết hoạt động kinh doanh quý II/2022
6	3009/2022/NQ-HĐQT	30/09/202	Tổng kết hoạt động kinh doanh quý III/2022
7	3112/2022/NQ-HĐQT	31/12/2022	Tổng kết hoạt động kinh doanh quý IV/2022

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2022, Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn hoàn thành tốt theo đúng quy định của pháp luật.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Trong năm 2022, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc Công ty đã từng tham gia một số khóa đào tạo về quản trị công ty. Hiện Công ty đang xúc tiến các thủ tục để triển khai việc tham gia đầy đủ các khoa đào tạo về quản trị hơn trong thời gian tới.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
BAN KIỂM SOÁT				
1	Lương Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Dương Đình Chiến	Thành viên BKS	1300	0,008%
3	Trần Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Được quét bằng CamScanner

Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Công ty niêm yết, Quy chế quản trị công ty, trong năm 2022, BKS đã thực hiện được những công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành quản lý công ty.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, 06 tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của công ty.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng, năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Trong năm 2022, lương của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong là 264.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Thù lao (VNĐ/tháng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	
2	Thành viên HĐQT	72.000.000	
3	Trưởng Ban Kiểm soát	48.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Được quét bằng CamScanner

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	**Võ Anh Thái**		**Chủ tịch Hội đồng quản trị**	**1.266.400**	**7,55%**
1.1	Võ Thế An (đã mất)				
1.2	Phạm Thị Hoàn	Không có		0	0%
1.3	Trần Thị Thanh Thủy	Không có		0	0%
1.4	Võ Thái Dương	Không có		0	0%
1.5	Võ Trần Thái Trung	Không có		0	0%
1.6	Võ Thị Hồng Tâm	Không có		0	0%
1.7	Võ Hồng Sơn	Không có		0	0%
1.8	CTCP sản xuất thương mại Thái Dương	Không có		0	0%
2	**Lê Minh Hiếu**		**TV HĐQT**	**2.130.418**	**12,70%**
2.1	Lê Văn Chung (đã mất)				
2.2	Trần Thị Thiện	Không có		0	0%
2.3	Nguyễn Thị Xuân Phương	Không có		0	0%
2.4	Lê Bảo Phương Khuê	Không có		0	0%
2.5	Lê Bảo Khiêm	Không có		0	0%
2.6	Lê Mạnh Hùng	Không có		0	0%
2.7	Lê Anh Cường	Không có		0	0%

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2022, công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quản trị công ty. Công ty đã tiến hành thành lập Ban Kiểm toán nội bộ vào ngày 02/11/2021 và đã ban hành quy chế kiểm toán nội bộ. Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm tra kế toán của công ty. Cụ thể, kiểm toán nội bộ thực hiện và kiểm soát hoạt động của Công ty, độ tin cậy và chính xác của các thông tin tài chính, quá trình tuân thủ các quy định pháp luật hiện

Được quét bằng CamScanner

hành. Bên cạnh đó, Ban kiểm toán nội bộ còn tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các biện pháp để khắc phục những tồn tại từ hệ thống quản lý và quản trị của Công ty.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)

Bắc Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2023

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

VÕ ANH THÁI

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37425 888 - Fax : (04) 37578 666

Website: http: //klemtoanttp.com - htpp://klemtoanttp.vn

Email: ttp@klemtoanttp.com

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Được quét bằng CamScanner

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư TDG Global (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty CP Đầu tư TDG Global (gọi tắt là "Công ty") - được đổi tên từ Công ty CP Dầu khí Thái Dương, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/07/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 06/08/2021.

Vốn Điều lệ: 167.700.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Lô D1, KCN Đình Trám, Thị trấn Nếnh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo quyết định số: 186/QĐ-SGDHCM ngày 06/06/2017, mã chứng khoán là TDG.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Anh Thái	Chủ tịch – Đại diện theo pháp luật
Ông Lê Minh Hiếu	Thành viên
Ông Trần Đình Cơ	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hà Bắc	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lương Hải Yến	Trưởng ban
Ông Dương Đình Chiến	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty CP Đầu tư TDG Global đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Được quét bằng CamScanner

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm báo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Được quét bằng CamScanner

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ_CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 2400340714 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL H. VIỆT YÊN - T. BẮC GIANG

Võ Anh Thái

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 17/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

của Công ty CP Đầu tư TDG Global

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty CP Đầu tư TDG Global

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư TDG Global được lập ngày 16 tháng 01 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Được quét bằng CamScanner

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Hạnh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0726-2023-133-1

Kiểm toán viên

Phạm Thị Tuyên
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 1474-2021-133-1

Được quét bằng CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A - TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**383.550.213.074**	**345.719.235.276**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**10.725.051.934**	**10.978.179.024**
111	1. Tiền		10.725.051.934	10.978.179.024
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4.a**	**35.123.575.300**	**33.536.230.300**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		35.123.575.300	33.536.230.300
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**188.267.217.573**	**264.458.340.154**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	102.620.000.525	196.635.104.376
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	82.622.536.325	66.477.958.069
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7.a	3.024.680.723	1.345.277.709
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	**IV. Hàng tồn kho**	**8**	**143.498.241.891**	**34.588.657.949**
141	1. Hàng tồn kho		143.498.241.891	34.588.657.949
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**5.936.126.376**	**2.157.827.849**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.a	-	30.454.579
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.936.126.376	2.127.373.270
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14.b	-	-
200	**B - TÀI SẢN DÀI HẠN**		**193.738.296.948**	**225.067.440.667**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**60.000.000**	**60.000.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7.b	60.000.000	60.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**12.732.159.277**	**14.840.283.692**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.695.153.418	12.548.414.823
222	*- Nguyên giá*		*24.025.493.202*	*24.025.493.202*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(12.330.339.784)*	*(11.477.078.379)*
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	955.500.039	2.210.363.049
225	*- Nguyên giá*		*1.820.000.000*	*4.233.941.818*
226	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(864.499.961)*	*(2.023.578.769)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	81.505.820	81.505.820
228	*- Nguyên giá*		*81.505.820*	*81.505.820*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		-	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**180.946.137.671**	**210.167.156.975**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12.b	180.946.137.671	210.167.156.975
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**577.288.510.022**	**570.786.675.943**

Được quét bằng CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C - NỢ PHẢI TRẢ**		**351.719.491.720**	**356.481.187.997**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**345.436.911.882**	**348.378.453.483**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.a	79.967.017.710	160.206.640.218
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.916.780.963	3.785.946.882
314	4. Phải trả người lao động		117.581.885	102.511.857
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	820.531.324	290.057.576
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	31.055.532
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	264.000.000	264.000.000
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.a	261.351.000.000	183.698.241.418
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	**II. Nợ dài hạn**		**6.282.579.838**	**8.102.734.514**
331	1. Phải trả người bán dài hạn	13.b	2.045.886.485	2.045.886.485
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.b	4.236.693.353	6.056.848.029
400	**D - VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**225.569.018.302**	**214.305.487.946**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**18**	**225.569.018.302**	**214.305.487.946**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		167.700.000.000	167.700.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*167.700.000.000*	*167.700.000.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.869.018.302	46.605.487.946
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*46.605.487.946*	*30.890.264.297*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*11.263.530.356*	*15.715.223.649*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**577.288.510.022**	**570.786.675.943**

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Thị Lợi	Nguyễn Thị Linh Hương	Võ Anh Thái

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.304.480.196.691	1.458.001.877.827
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		1.304.480.196.691	1.458.001.877.827
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.235.589.513.424	1.389.295.154.681
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)		68.890.683.267	68.706.723.146
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.119.914.004	1.798.252.985
22	7. Chi phí tài chính	22	23.339.606.558	12.673.729.652
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*20.071.552.010*	*12.673.729.652*
24	8. Chi phí bán hàng	25.a	30.614.701.310	33.875.548.945
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.b	3.432.858.735	3.821.659.858
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		15.623.430.668	20.134.037.676
31	11. Thu nhập khác	23	75.056.708	-
32	12. Chi phí khác	24	1.555.282.222	153.786.911
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(1.480.225.514)	(153.786.911)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		14.143.205.154	19.980.250.765
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	2.879.674.798	4.265.027.116
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		11.263.530.356	15.715.223.649
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	671,65	937,10

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Thị Lợi	Nguyễn Thị Linh Hương	Võ Anh Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Phương pháp gián tiếp
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**	**14.143.205.154**	**19.980.250.765**
	2. Điều chỉnh cho các khoản	**18.913.875.151**	**12.328.213.334**
02	- Khấu hao tài sản cố định	(305.817.403)	1.452.736.667
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(851.859.456)	(1.798.252.985)
06	- Chi phí lãi vay	20.071.552.010	12.673.729.652
08	**3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**33.057.080.305**	**32.308.464.099**
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	74.763.718.271	(137.331.603.145)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(108.909.583.942)	(12.745.901.643)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải	(80.218.501.847)	89.455.800.378
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	29.251.473.883	29.304.882.900
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	
14	- Tiền lãi vay đã trả	(19.541.078.262)	(12.531.801.216)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.785.946.882)	(547.206.967)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**(75.382.838.474)**	**(12.087.365.594)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	872.727.272	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.587.345.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11.725.206	6.819.485
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**(702.892.522)**	**6.819.485**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	482.529.153.500	327.415.210.718
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(406.026.394.918)	(308.406.969.300)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(670.154.676)	(1.285.071.992)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**75.832.603.906**	**17.723.169.426**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**(253.127.090)**	**5.642.623.317**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**10.978.179.024**	**5.335.555.707**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**10.725.051.934**	**10.978.179.024**

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Thị Lợi	Nguyễn Thị Linh Hương	Võ Anh Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Được quét bằng CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư TDG Global (gọi tắt là "Công ty") - được đổi tên từ Công ty CP Dầu khí Thái Dương, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/07/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 06/08/2021.

Vốn Điều lệ: 167.700.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Lô D1 Khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính phát sinh trong năm:

- Kinh doanh khí hóa lỏng.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng (thép).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Được quét bằng CamScanner

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Được quét bằng CamScanner

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

Được quét bằng CamScanner

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Được quét bằng CamScanner

2.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được quét bằng CamScanner

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Được quét bằng CamScanner

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

d. Ưu đãi thuế

Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo TT số 78/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính và Công văn số 4565/CT-TTHT của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ngày 08/11/2016 "về việc xác định hưởng ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn của dự án đầu tư mới": Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm (năm 2016, 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2018). Do đó, năm 2021 Công ty tiếp tục được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Được quét bằng CamScanner

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	3.354.090.305	3.900.078.946
Tiền gửi ngân hàng không năm hạn	7.370.961.629	7.078.100.078
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	**10.725.051.934**	**10.978.179.024**

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	**35.123.575.300**	**-**	**33.536.230.300**	**-**
Chứng khoán kinh doanh	-		-	
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn (*)	35.123.575.300	-	33.536.230.300	
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**35.123.575.300**	**-**	**33.536.230.300**	**-**

(*) Đây là các Hợp đồng tiền gửi có năm hạn 12 tháng tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang, lãi suất là 5,8%/năm; lãi nhận cuối năm. Tại ngày 31/12/2022, toàn bộ số tiền gửi trên đang được thế chấp tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

5. Phải thu khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	**102.620.000.525**	**196.635.104.376**
Công ty CP Thương mại Dầu khí Thịnh Vượng	18.350.859.691	13.600.156.504
Công ty CP Đầu tư sản xuất Thương mại Hà Minh	27.447.438.150	50.030.200.000
Công ty CP Tập đoàn IPC	8.501.134.400	23.144.200.200
Công ty CP Đầu tư XD Trường Phát DST		39.083.544.500
Công ty CP XD công trình IPC		37.500.325.735
Công ty CP Máy - Thiết bị dầu khí		16.424.300.254
Công ty CP Tập đoàn DST Việt Nam	29.479.982.400	
Công ty CP Vinakiss Việt Nam	10.730.000.000	
Các đối tượng khác	8.110.585.884	16.852.377.183
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**102.620.000.525**	**196.635.104.376**

Được quét bằng CamScanner

6. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	**82.622.536.325**	**66.477.958.069**
Công ty TNHH Đầu tư vận tải và DV XD Ngọc Dũng	12.510.000.000	50.328.400.000
Công ty CP Thương mại Dầu khí Tín Nghĩa	6.302.779.570	15.908.058.070
Công ty TNHH TM DV Hóa chất - Phế liệu Thu Trang	27.546.095.090	
Công ty TNHH Giao nhận vận tải quốc tế Gia Huỳnh	19.845.000.000	
Công ty TNHH SX TM Cơ khí Tân Thịnh Vĩ	14.270.000.000	
Các đối tượng khác	2.148.661.665	241.499.999
b . Dài hạn	-	-
Cộng	**82.622.536.325**	**66.477.958.069**

7. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	**3.024.680.723**	-	**1.345.277.709**	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	8.882.639	-	-	-
Phải thu khác	3.015.798.084		1.345.277.709	
b. Dài hạn	**60.000.000**	-	**60.000.000**	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	60.000.000		60.000.000	
Cộng	**3.084.680.723**	-	**1.405.277.709**	-

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ (vỏ bình gas mới, chờ đưa vào sử dụng)	38.309.090.910		-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-		1.518.285.582	
Hàng hoá	105.189.150.981	-	33.070.372.367	-
Cộng	**143.498.241.891**	-	**34.588.657.949**	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

Được quét bằng CamScanner

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	**17.946.189.677**	**5.504.291.403**	**575.012.122**	**24.025.493.202**
Số tăng trong năm			-	-
- Mua trong năm				-
Số giảm trong năm			-	-
Số cuối năm	**17.946.189.677**	**5.504.291.403**	**575.012.122**	**24.025.493.202**
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	**5.810.777.780**	**5.323.988.474**	**342.312.125**	**11.477.078.379**
Số tăng trong năm	625.225.140	180.302.929	47.733.336	853.261.405
- Khấu hao trong năm	*625.225.140*	*180.302.929*	*47.733.336*	*853.261.405*
Số giảm trong năm			-	-
Số cuối năm	**6.436.002.920**	**5.504.291.403**	**390.045.461**	**12.330.339.784**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	**12.135.411.897**	**180.302.929**	**232.699.997**	**12.548.414.823**
Tại ngày cuối năm	**11.510.186.757**	**-**	**184.966.661**	**11.695.153.418**

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 31/12/2022 là: 0 VND.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 8.873.480.150 VND.

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	**1.820.000.000**	**2.413.941.818**		**4.233.941.818**
Số tăng trong năm			-	-
Số giảm trong năm	-	(2.413.941.818)	-	**(2.413.941.818)**
- Mua lại TS thuê TC		*(2.413.941.818)*		*(2.413.941.818)*
Số cuối năm	**1.820.000.000**	**-**	**-**	**1.820.000.000**
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	**682.499.969**	**1.341.078.800**		**2.023.578.769**
Số tăng trong năm	181.999.992	301.742.730	-	483.742.722
- Khấu hao trong năm	*181.999.992*	*301.742.730*		*483.742.722*
Số giảm trong năm	-	(1.642.821.530)	-	(1.642.821.530)
- Mua lại TS thuê TC		*(1.642.821.530)*		*(1.642.821.530)*
Số cuối năm	**864.499.961**	**-**	**-**	**864.499.961**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	**1.137.500.031**	**1.072.863.018**	**-**	**2.210.363.049**
Tại ngày cuối năm	**955.500.039**	**-**	**-**	**955.500.039**

Được quét bằng CamScanner

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	81.505.820	**81.505.820**
Số dư cuối năm	**81.505.820**	**81.505.820**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	**81.505.820**	**81.505.820**
Tại ngày cuối năm	**81.505.820**	**81.505.820**

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	-	**30.454.579**
- Chi phí thuê đất hạ tầng	-	30.454.579
b. Dài hạn	**180.946.137.671**	**210.167.156.975**
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (*)	180.946.137.671	210.167.156.975
Cộng	**180.946.137.671**	**210.197.611.554**

(*): Công cụ dụng cụ chờ phân bổ dài hạn là giá trị còn lại của Vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng:
- Số dư đầu năm: 210.167.156.975 VND.
- Vỏ bình gas mới đưa vào sử dụng trong năm: 0 VND.
- Số phân bổ trong năm: 29.221.019.304 VND.
- Số dư cuối năm: 180.946.137.671 VND.

Được quét bằng CamScanner

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**79.967.017.710**	**79.967.017.710**	**160.206.640.218**	**160.206.640.218**
Công ty CP Tập đoàn IPC	64.626.128.540	64.626.128.540	15.204.670.987	15.204.670.987
Công ty CP XD công trình IPC			46.277.935.000	46.277.935.000
Công ty TNHH MTV Thuận Phát Hải Dương			44.441.727.088	44.441.727.088
Công ty TNHH VJICO			22.691.511.843	22.691.511.843
Công ty CP Vinakiss Việt Nam			10.376.692.363	10.376.692.363
Công ty CP sắt thép Việt Nam			10.072.883.403	10.072.883.403
Công ty TNHH Công nghiệp TM Thống Nhất	8.207.212.200	8.207.212.200		-
Các đối tượng khác	7.133.676.970	7.133.676.970	11.141.219.534	11.141.219.534
b. Dài hạn	**2.045.886.485**	**2.045.886.485**	**2.045.886.485**	**2.045.886.485**
Công ty CP TM Dầu khí Hải Phong	2.045.886.485	2.045.886.485	2.045.886.485	2.045.886.485
Cộng	**82.012.904.195**	**82.012.904.195**	**162.252.526.703**	**162.252.526.703**

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-				-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.785.946.882	2.879.674.798	3.785.946.882		2.879.674.798
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	37.106.165			37.106.165
Phí, lệ phí và các	-	-	49.685.692	49.685.692		-
Cộng	**-**	**3.785.946.882**	**2.966.466.655**	**3.835.632.574**	**-**	**2.916.780.963**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Được quét bằng CamScanner

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**820.531.324**	**290.057.576**
- Chi phí lãi vay phải trả	820.531.324	290.057.576
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**820.531.324**	**290.057.576**

16. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**264.000.000**	**264.000.000**
Các khoản phải trả, phải nộp khác	264.000.000	264.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**264.000.000**	**264.000.000**

17. Vay và nợ thuê tài chính

(Được trình bày chi tiết từ trang số 31 đến trang số 34)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính:VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**167.700.000.000**	-	**30.890.264.297**	**198.590.264.297**
- Tăng vốn năm trước				-
- Lãi trong năm trước			15.715.223.649	**15.715.223.649**
- Trả cổ tức				-
Số dư đầu năm nay	**167.700.000.000**	-	**46.605.487.946**	**214.305.487.946**
- Tăng trong năm				-
- Lãi trong năm			11.263.530.356	**11.263.530.356**
Số dư cuối năm	**167.700.000.000**	-	**57.869.018.302**	**225.569.018.302**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
- Ông Lê Minh Hiếu	16.786.180.000	10,01%	16.786.180.000	10,01%
- Các cổ đông khác	150.913.820.000	89,99%	150.913.820.000	89,99%
Cộng	**167.700.000.000**	**100,00%**	**167.700.000.000**	**100,00%**

Được quét bằng CamScanner

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	167.700.000.000	167.700.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	167.700.000.000	167.700.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.770.000	16.770.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.770.000	16.770.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*16.770.000*	*16.770.000*
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.770.000	16.770.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*16.770.000*	*16.770.000*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung cấp hàng hóa	1.304.429.384.341	1.455.459.507.867
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.812.350	2.542.369.960
Cộng	**1.304.480.196.691**	**1.458.001.877.827**

20. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng bán	1.235.589.513.424	1.389.032.933.295
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		262.221.386
Cộng	**1.235.589.513.424**	**1.389.295.154.681**

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	3.326.679.766	1.798.252.985
- Lãi đầu tư chứng khoán	793.234.238	
Cộng	**4.119.914.004**	**1.798.252.985**

22. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	20.071.552.010	12.673.729.652
- Lỗ đầu tư chứng khoán	3.268.054.548	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán		
Cộng	**23.339.606.558**	**12.673.729.652**

Được quét bằng CamScanner

23. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thanh lý tài sản cố định	75.056.708	
Cộng	**75.056.708**	**-**

24. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	49.884.142	153.786.911
- Góp vốn		
- Lỗ khi thanh lý tài sản cố định		
- Thuê tài sản		
- Khấu hao loại trừ		
- Chi phí tiêu hủy vật tư vỏ bình gas do hư hỏng	1.505.398.080	
- Chi phí khác		
Cộng	**1.555.282.222**	**153.786.911**

25. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Chi phí bán hàng	**30.614.701.310**	**33.875.548.945**
- Chi phí nguyên, vật liệu	29.221.019.304	29.270.621.538
- Chi phí nhân công	869.306.313	786.093.521
- Chi phí khấu hao	481.185.180	481.185.276
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.190.513	3.337.648.610
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**3.432.858.735**	**3.821.659.858**
- Chi phí nguyên, vật liệu	30.454.579	34.261.362
- Chi phí nhân công	1.142.487.393	789.124.105
- Chi phí khấu hao	798.694.358	745.655.987
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	903.887.114	1.695.327.712
- Chi phí khác bằng tiền	554.335.291	554.290.692
Cộng	**34.047.560.045**	**37.697.208.803**

26. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	29.251.473.883	29.304.882.900
- Chi phí nhân công	2.011.793.706	1.575.217.626
- Chi phí khấu hao	1.337.004.127	1.452.736.667
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	947.077.627	5.032.976.322
- Chi phí khác bằng tiền	554.335.291	554.290.692
Cộng	**34.104.684.634**	**37.923.104.207**

Được quét bằng CamScanner

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**14.143.205.154**	**19.980.250.765**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**255.168.836**	**659.071.605**
Các khoản điều chỉnh tăng	255.168.836	659.071.605
- Chi phí phạt thuế	*49.884.142*	*153.786.911*
- Chi phí khấu hao tài sản không hợp lệ	*49.284.694*	*49.284.694*
- Chi phí thù lao HĐQT, BKS không thường trực	*156.000.000*	*456.000.000*
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	**14.398.373.990**	**20.639.322.370**
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**2.879.674.798**	**4.127.864.474**
Thuế TNDN được hưởng ưu đãi đối với ngành nghề kinh doanh tại dự án đầu tư mới		(341.917.593)
Thuế TNDN truy thu của năm trước		479.080.234
Thuế TNDN phải nộp trong năm	**2.879.674.798**	**4.265.027.116**

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.263.530.356	15.715.223.649
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.263.530.356	15.715.223.649
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	16.770.000	16.770.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	671,65	937,10

29. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi có kì hạn trong năm được nhập vào gốc cho năm hạn mới.	1.587.345.000	1.791.433.500

30. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

Được quét bằng CamScanner

31. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tài sản tài chính	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.725.051.934		10.978.179.024	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.704.681.248	-	198.040.382.085	-
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	35.123.575.300	-	33.536.230.300	-
Đầu tư dài hạn	-		-	
Cộng	**151.553.308.482**	**-**	**242.554.791.409**	**-**

Nợ phải trả tài chính	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
	VND	**VND**
Vay và nợ	265.587.693.353	189.755.089.447
Phải trả người bán, phải trả khác	82.276.904.195	162.516.526.703
Chi phí phải trả	820.531.324	290.057.576
Cộng	**348.685.128.872**	**352.561.673.726**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Được quét bằng CamScanner

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.725.051.934			10.725.051.934
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.644.681.248	60.000.000		105.704.681.248
Đầu tư ngắn hạn	35.123.575.300			35.123.575.300
Cộng	**151.493.308.482**	**60.000.000**	**-**	**151.553.308.482**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.978.179.024			10.978.179.024
Phải thu khách hàng, phải thu khác	197.980.382.085	60.000.000		198.040.382.085
Đầu tư ngắn hạn	33.536.230.300			33.536.230.300
Cộng	**242.494.791.409**	**60.000.000**	**-**	**242.554.791.409**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Được quét bằng CamScanner

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Số cuối năm	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	261.351.000.000	4.236.693.353		265.587.693.353
Phải trả người bán, phải trả khác	80.231.017.710	2.045.886.485		82.276.904.195
Chi phí phải trả	820.531.324	-		820.531.324
Cộng	**342.402.549.034**	**6.282.579.838**	-	**348.685.128.872**
Số đầu năm				
Vay và nợ	183.698.241.418	6.056.848.029		189.755.089.447
Phải trả người bán, phải trả khác	160.470.640.218	2.045.886.485		162.516.526.703
Chi phí phải trả	290.057.576	-		290.057.576
Cộng	**344.458.939.212**	**8.102.734.514**	-	**352.561.673.726**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.304.429.384.341	50.812.350	1.304.480.196.691
Chi phí bộ phận	1.235.589.513.424	-	1.235.589.513.424
Kết quả kinh doanh bộ phận	**68.839.870.917**	**50.812.350**	**68.890.683.267**
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			**34.047.560.045**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.843.123.222
Doanh thu hoạt động tài chính			4.119.914.004
Chi phí tài chính			23.339.606.558
Thu nhập khác			75.056.708
Chi phí khác			1.555.282.222
Thuế TNDN hiện hành			2.879.674.798
Lợi nhuận sau thuế			**11.263.530.356**

Được quét bằng CamScanner

33. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Võ Anh Thái	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Minh Hiếu	Thành viên HĐQT
Ông Trần Đình Cơ	Thành viên HĐQT
Bà Lương Thị Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Dương Đình Chiến	Thành viên BKS
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên BKS

b. Giao dịch với các bên liên quan

	Phát sinh trong năm
	VND
c. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	**264.000.000**
Ông Võ Anh Thái	72.000.000
Ông Lê Minh Hiếu	36.000.000
Ông Trần Đình Cơ	36.000.000
Bà Lương Thị Hải Yến	48.000.000
Ông Dương Đình Chiến	36.000.000
Bà Trần Thị Thu Hương	36.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Thị Lợi	Nguyễn Thị Linh Hương	Võ Anh Thái

Được quét bằng CamScanner

17. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**261.351.000.000**	**261.351.000.000**	**482.529.153.500**	**404.876.394.918**	**183.698.241.418**	**183.698.241.418**
Vay ngắn hạn	221.596.000.000	221.596.000.000	442.774.153.500	404.876.394.918	183.698.241.418	183.698.241.418
- Ngân hàng MBbank - PGD Hoàng Cầu (1)	*30.600.000.000*	*30.600.000.000*	*64.258.318.000*	*63.630.559.418*	*29.972.241.418*	*29.972.241.418*
- Ngân hàng NN và PTNT Tỉnh Bắc Giang (2)	*114.800.000.000*	*114.800.000.000*	*228.258.875.500*	*228.258.875.500*	*114.800.000.000*	*114.800.000.000*
- Ngân hàng TPbank - Hội sở (3)	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*6.000.000.000*	*6.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
- Ngân hàng VPbank - CN Chương Dương (4)	*36.926.000.000*	*36.926.000.000*	*106.986.960.000*	*106.986.960.000*	*36.926.000.000*	*36.926.000.000*
- Ngân hàng BIDV Chi nhánh Đống Đa (5)	*37.270.000.000*	*37.270.000.000*	*37.270.000.000*	-		-
Trái phiếu	39.755.000.000	39.755.000.000	39.755.000.000	-	-	-
- Mệnh giá trái phiếu (8)	*39.755.000.000*	*39.755.000.000*	*39.755.000.000*			-
b. Dài hạn	**4.236.693.353**	**4.236.693.353**	-	**1.820.154.676**	**6.056.848.029**	**6.056.848.029**
Thuê tài chính	26.693.353	26.693.353	-	670.154.676	696.848.029	696.848.029
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (6)	*26.693.353*	*26.693.353*		*670.154.676*	*696.848.029*	*696.848.029*
Vay dài hạn	4.210.000.000	4.210.000.000	-	1.150.000.000	5.360.000.000	5.360.000.000
Ngân hàng NN và PTNT Tỉnh Bắc Giang (7)	*4.210.000.000*	*4.210.000.000*		*1.150.000.000*	*5.360.000.000*	*5.360.000.000*
Tổng cộng	**265.587.693.353**	**265.587.693.353**	**482.529.153.500**	**406.696.549.594**	**189.755.089.447**	**189.755.089.447**

Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán	Năm nay			Năm trước		
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 5 năm trở lên	687.880.981	17.726.305	670.154.676	716.375.130	82.571.136	633.803.994

Được quét bằng CamScanner

(1): Hợp đồng cấp tín dụng số 86924.22.059.392388.TD ngày 22/09/2022 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đống Đa
- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ Giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm số dư (các) Khoản tín dụng của Khách hàng theo Hợp đồng cho vay số 20045.21.077.392388.TD ngày 28/04/2021 giao kết giữa MB và Khách hàng.
- Thời hạn cho vay : Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 16/09/2023. Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức: tối đa 05 tháng kể từ ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại VBNN
- Mục đích cấp tín dụng : Cấp tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khí LPG (Gas) của Khách hàng.
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng.
- Biện pháp bảo đảm: Thế chấp hàng hóa là khí LPG (gas), vỏ bình gas và thương hiệu Thái Dương Gas duy nhất tại MB;
- Số dư tại thời điểm 31/12/2022 là: 30.600.000.000 VND.

(2): Hợp đồng tín dụng (Gồm phụ lục hợp đồng tín dụng số 2500LAV202200585 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 2500LAV202200586)với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Giang.
- Hạn mức tín dụng: 114.800.000.000 VND.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để sản xuất, chiết nạp LPG vào chai, kinh doanh thương mại (sắt ,thép xây dựng các loại, hạt nhựa, nông sản các loại như chuối xanh, thanh long,...) và cho thuê nhà xưởng
- Thời hạn cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể,thời hạn cho vay của mỗi Khoản nợ tối đa là 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.
- Lãi suất cho vay : Lãi suất cho vay có điều chỉnh. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này là 8,0%/năm. (Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quý vào ngày 15 của tháng đầu quý)
- Số dư tại thời điểm 31/12/2022 là : 114.800.000.000 VND.

(3): Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 54/2022/HDTD/TTKD HO/01 ngày 19/01/2022 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính
- Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 VND.
- Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 19/01/2022
- Mục đích vay: Bổ sung Vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động thương mại và chiết nạp gas.
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng.
- Điều kiện và cam kết: Khách hàng cam kết chuyển doanh thu tối thiểu 150% doanh số giải ngân về tài khoản của Công ty tại TPBank trong suốt thời gian vay.
- Số dư tại thời điểm 31/12/2022: 2.000.000.000 VND.

Được quét bằng CamScanner

(4a): Hợp đồng cho vay hạn mức số 160322-553353-01-SME ngày 08/04/2022 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ 08/04/2022, thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần không vượt quá 5 tháng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh khí gas hóa lỏng và thanh toán tiền mua thép tấm, thép cuộn, thép hình phục vụ hoạt động gia công vỏ bình gas của khách hàng.
- Lãi suất cho vay: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ
- Biện pháp bảo đảm: Thế chấp bằng 01 BĐS tại Thửa đất số 68 tờ bản đồ số 7G-IV-29, địa chỉ thửa đất số 9, hẻm 74/13 ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Võ Anh Thái và vợ là bà Trần Thị Thanh Thủy theo quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109092644 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội- UBND Quận Đống Đa cấp ngày 15/05/2003; Cầm cố bằng 01 tiền gửi tiết kiệm online số 247940901 và 01 tiền gửi tiết kiệm online số 238023807 thuộc sở hữu của ông Lê Minh Hiếu và bà Nguyễn Thị Xuân Phương; Cầm cố giấy tờ có giá, sổ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi do Bên Ngân hàng/VPSMBC phát hành, tiền ký quỹ trong tài khoản mở tại Bên Ngân hàng được Bên Ngân hàng chấp nhận
- Số dư tại thời điểm 31/12/2022: 31.926.000.000 VND.

(4b): Hợp đồng cho vay số 260122-553353-01-SME ngày 27/01/2022 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 VND.
- Thời hạn cho vay: 12 tháng tính từ ngày kí hợp đồng, thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần không vượt quá 5 tháng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại khí đốt và thương mại thép của công ty.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ
- Biện pháp đảm bảo: tín chấp bảo lãnh cam kết cá nhân Võ Anh Thái
- Số dư tại thời điểm 31/12/2022: 5.000.000.000 VND.

(5): Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/7942489/HĐTD ngày 25/07/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Hạn mức cho vay: 65.000.000.000 VND.
- Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 30/04/2023
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ
- Biện pháp bảo đảm: Các biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.
- Số dư tại thời điểm 31/12/2022: 37.270.000.000 VND.

Được quét bằng CamScanner

(6): Hợp đồng cho thuê tài chính số 15.17.04/CTTC ngày 20/09/2017 với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Tài sản cho thuê:
+ Máy bắn bi (làm sách vỏ bình ga): 550.000.000 VNĐ
+ Máy phun sơn: 690.000.000 VNĐ.
- Số tiền cho thuê: 1.601.600.000 VNĐ
- Thời hạn cho thuê: 60 tháng kể từ ngày bên A chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp.
- Lãi suất cho thuê:
+ Đối với lãi suất trong hạn: Lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng dối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Vietcombank Sở Giao dịch công bố tại thời điểm đó cộng với biên độ 3,1%/năm
+ Đối với lãi quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.
- Số dư tại ngày 31/12/2022 : 26.693.353 VNĐ.

(7): Hợp đồng tín dụng số 2500LAV202000368 ngày 03/07/2020 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Bắc Giang
- Số tiền cho vay: 5.800.000.000 VNĐ
- Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí đầu tư Dự án "Khu nhà xưởng, nhà kho Công ty CP Dầu khí Thái Dương" để cho thuê
- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần
- Thời hạn cho vay: 60 tháng
- Lãi suất cho vay: Lãi cho vay áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, lãi suất cụ thể được ghi trên từng GNN
- Số dư tại ngày 31/12/2022: 4.210.000.000 VNĐ

(8): Trong năm, Công ty đã phát hành 40.000 trái phiếu Công ty CP Đầu tư TDG Global, loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm; mệnh giá 1.000.000 VNĐ/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 12 tháng kể từ ngày phát hành; lãi suất 12,5%/năm; lãi nhận 01 tháng/lần; Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành là 40.000.000.000 VNĐ.
- Trái phiếu được chào bán thành công, nhà đầu tư chính là Công ty CP Chứng khoán APG (đầu tư 80% giá trị trái phiếu phát hành), còn lại là nhà đầu tư cá nhân.
- Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu được Công ty thanh toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp. (Cụ thể: Thanh toán 15.000.000.000 đồng tiền mua thép làm vỏ bình gas cho Công ty TNHH ĐT Vận tải và Dịch vụ xây dựng Ngọc Dũng; thanh toán 25.000.000.000 đồng tiền mua gas cho Công ty CP APG Capital.

Được quét bằng CamScanner